

Số: 27/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 2555/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026, Báo cáo số 260/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2025: 7.950.000 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026: 2.400.000 triệu đồng.

2. Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm: 4.908.000 triệu đồng.

3. Vốn điều lệ cho Quỹ Nhà ở tỉnh Quảng Ninh: 130.000 triệu đồng.

4. Kế hoạch vốn phân bổ cho 03 dự án khởi công mới: 512.000 triệu đồng, gồm:

a) Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối ĐT.342 với các xã Kỳ Thượng - Lương Minh đến ĐT.330: 200.000 triệu đồng.

b) Dự án Xây dựng hồ chứa nước Khe Và, xã Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh: 300.000 triệu đồng.

c) Dự án Đầu tư xây dựng hoàn thiện mặt bằng khu đất Sở chỉ huy dự bị d150/f363 tại khu Hà Khẩu 5, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh: 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trong việc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và xác định nhu cầu kế hoạch vốn đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ bảo đảm phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân; đồng thời tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

a) Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án được phân bổ vốn tại Kỳ họp này, bảo đảm chất lượng, tính tổng thể, đồng bộ các hạng mục đầu tư; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng công trình sau đầu tư, gắn với hiệu quả kinh tế - xã hội và phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư công.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh và nguồn vốn bổ sung có mục tiêu cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm bảo đảm tập trung, trọng điểm, ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, tạo động lực phát triển; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún. Kiên quyết quản lý, kiểm soát chặt chẽ để số lượng dự án toàn tỉnh giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025 theo chỉ đạo tại Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế lồng ghép các nguồn kinh phí để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò giám sát của cộng đồng để đảm bảo các công trình được triển khai đúng chất lượng, đúng đối tượng thụ hưởng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

c) Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện thủ tục và quyết định đầu tư các dự án đủ điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025 còn lại tại kỳ họp gần nhất; bảo đảm nguồn lực được đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

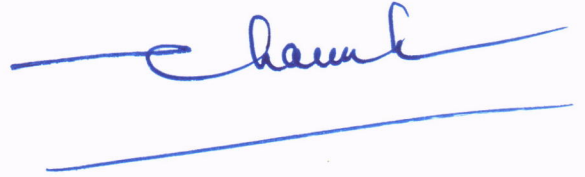
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. / *lf*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10. / *lf*

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

PHỤ BIỂU 01: PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Loại dự án (A-B-C)	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Ghi chú
						Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		
	Tổng số							7.950.000	
I	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026			2026	Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 19/6/2026; Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 19/6/2026			2.400.000	<i>Chi tiết theo phụ biểu 02</i>
II	Cấp vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ Nhà ở tỉnh Quảng Ninh				Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 15/6/2026			130.000	
III	Dự án khởi công mới					957.912	957.912	512.000	
a	Lĩnh vực Giao thông					400.000	400.000	200.000	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối ĐT.342 với các xã Kỳ Thượng - Lương Minh đến ĐT.330	BQLDA ĐTXD khu vực II	B	2026-2027	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 22/6/2026	400.000	400.000	200.000	
b	Lĩnh vực Nông nghiệp					541.000	541.000	300.000	
2	Xây dựng hồ chứa nước Khe Và, xã Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	BQLDA ĐTXD Khu vực II	B	2026-2029	Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 21/6/2026	541.000	541.000	300.000	
c	Lĩnh vực Quốc phòng					16.912	16.912	12.000	
3	Đầu tư xây dựng hoàn thiện mặt bằng khu đất Sờ chỉ huy dự bị d150/f363 tại khu Hà Khẩu 5, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh	BQLDA ĐTXD khu vực I	C	2026	Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 20/6/2026	16.912	16.912	12.000	
IV	Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm	Xã, phường, đặc khu						4.908.000	<i>Chi tiết theo phụ biểu 03</i>

**BIỂU 02: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ
MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 23/6/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	Xã, phường, đặc khu	Kế hoạch vốn	TT	Xã, phường, đặc khu	Kế hoạch vốn
	TỔNG SỐ				2.400.000
1	Xã Đàm Hà	86.076	17	Xã Quảng Tân	96.203
2	Xã Cái Chiên	86.076	18	Xã Hải Ninh	96.203
3	Xã Quảng Đức	86.076	19	Xã Kỳ Thượng	96.203
4	Xã Hoàn Mô	86.076	20	Xã Điện Xá	96.203
5	Đặc khu Cô Tô	86.076	21	Xã Lục Hồn	101.266
6	Xã Thống Nhất	86.076	22	Xã Hải Sơn	101.266
7	Xã Ba Chẽ	91.139	23	Xã Vĩnh Thục	101.266
8	Đặc khu Vân Đồn	91.139	24	Xã Lương Minh	101.266
9	Xã Tiên Yên	91.139	25	Phường Hoàn Bồ	60.759
10	Xã Bình Liêu	91.139	26	Phường Bình Khê	60.759
11	Xã Đường Hoa	91.139	27	Phường Mông Dương	18.228
12	Xã Đông Ngũ	91.139	28	Phường Vàng Danh	6.076
13	Xã Quảng Hà	91.139	29	Phường Yên Tử	20.253
14	Xã Hải Hòa	91.139	30	Phường Quang Hanh	2.025
15	Xã Quảng La	91.139	31	Phường Hà Tu	2.025
16	Xã Hải Lạng	91.139	32	Phường Cửa Ông	12.152

**PHỤ BIỂU 03: KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
THEO TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM**

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	Xã, phường, đặc khu	Kế hoạch vốn	TT	Xã, phường, đặc khu	Kế hoạch vốn
	TỔNG SỐ				4.908.000
1	Xã Đông Ngũ	100.102	28	Phường Hạ Long	129.400
2	Phường Ưông Bí	126.958	29	Phường Hiệp Hòa	102.000
3	Xã Quảng La	96.439	30	Xã Điện Xá	86.109
4	Xã Đầm Hà	92.777	31	Xã Quảng Đức	87.898
5	Phường Cửa Ông	136.724	32	Phường Việt Hưng	102.000
6	Xã Hải Ninh	92.777	33	Phường Hồng Gai	112.000
7	Phường Mạo Khê	131.841	34	Phường Liên Hòa	88.580
8	Phường Tuấn Châu	102.543	35	Xã Kỳ Thượng	71.859
9	Xã Hải Hoà	92.777	36	Phường Mông Dương	75.500
10	Xã Tiên Yên	98.881	37	Xã Cái Chiên	34.000
11	Phường Bình Khê	117.192	38	Xã Vĩnh Thục	62.000
12	Xã Quảng Tân	101.322	39	Phường Hà An	73.245
13	Phường Hoành Bồ	118.413	40	Phường Hà Tu	73.245
14	Phường Vàng Danh	122.075	41	Phường Quang Hanh	86.267
15	Phường An Sinh	109.868	42	Xã Bình Liêu	78.900
16	Xã Thống Nhất	100.102	43	Phường Quảng Yên	73.000
17	Phường Yên Tử	122.075	44	Phường Cao Xanh	68.000
18	Phường Đông Triều	119.634	45	Xã Quảng Hà	88.000
19	Phường Hoàng Quế	109.868	46	Xã Ba Chẽ	56.600
20	Phường Cẩm Phả	126.958	47	Phường Hà Lâm	78.128
21	Đặc khu Cô Tô	104.985	48	Xã Hải Sơn	44.800
22	Phường Móng Cái 3	124.517	49	Phường Móng Cái 1	50.000
23	Phường Phong Cốc	109.868	50	Phường Bãi Cháy	38.000
24	Xã Lục Hồn	107.426	51	Xã Hải Lạng	30.300
25	Phường Móng Cái 2	117.192	52	Xã Lương Minh	45.000
26	Xã Đường Hoa	108.647	53	Phường Đông Mai	75.000
27	Xã Hoành Mô	106.205	54	Đặc khu Vân Đồn	-